

# **PHONG TRÀO PHẢN CHIẾN CỦA NHÂN DÂN MỸ ĐỐI VỚI CUỘC CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC CỦA MỸ Ở VIỆT NAM (1954-1975)**

Trong lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm của các dân tộc thuộc địa, chưa có thời kỳ nào và ở nơi đâu mà cuộc chiến đấu của nhân dân nước bị xâm lược lại có ảnh hưởng to lớn và sâu rộng đến nước đi xâm lược và tạo nên một phong trào phản chiến dữ dội như ở Mỹ khi đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam (1954-1975). Đó cũng là hiện tượng có một không hai trong lịch sử nước Mỹ. Bài xã luận đăng ở số đầu tiên của bản tin riêng hàng tuần của nhà báo độc lập I.F. Stone ở Niu Yoóc (10-1966) khẳng định: “Nước ta (Mỹ - TG) đang phạm một tội ác là đi đánh phá Việt Nam. Chúng ta (nhân dân Mỹ - TG) phải lên án việc đó, nếu không các thế hệ sau này sẽ hỏi tội chúng ta như trước đây người ta đã chất vấn tại sao không ai lên tiếng hỏi tội người Đức”<sup>1</sup>.

Phong trào phản chiến ở Mỹ có một quá trình hình thành và phát triển, từ nhỏ đến lớn; từ thức tỉnh lương tâm dư luận, tuyên truyền vận động nâng cao nhận thức của quần chúng nhân dân, đến tổ chức đấu tranh có kế hoạch, có tổ chức như mọi cuộc đấu tranh chính trị khác. Quy mô của phong trào ngày càng phát triển theo sự leo thang và tăng cường xâm lược của đế quốc Mỹ ở Việt Nam.

## **1. Sự hình thành và bước khởi đầu của phong trào (1954-1965)**

Với âm mưu chia cắt lâu dài nước Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Nam Á, từ năm 1954 Mỹ nhanh chóng thay chân Pháp ở miền Nam, thoái thác vấn đề hiệp thương, tổng tuyển cử thống nhất nước Việt Nam, dựng lên chính quyền Việt Nam cộng hòa do Ngô Đình Diệm làm tổng thống, đồng thời tăng cường xây dựng quân đội Sài Gòn để thực hiện âm mưu chống cộng, đáp ứng yêu cầu “chiến lược vành đai” của Mỹ ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Thực thi chiến lược của Mỹ, chính quyền Sài Gòn mở các chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”, gây ra nhiều vụ thảm sát man rợ ở miền Nam. Các nhà tù, trại giam, trại tập trung được xây dựng khắp nơi. Những cuộc vây lùng, bắt bớ, tra tấn, đánh đập và chém giết những người yêu nước sảy ra liên tiếp hàng ngày. Chúng lập ra những “khu trù mật”, “khu dinh điền”, “ấp tân sinh”, mà thực chất là dồn dân vào các trại tập trung để “phá thành trì của cộng sản”, triệt phá các cơ sở cách mạng ở nông thôn, làm cho không khí xã hội miền Nam Việt Nam vô cùng ngột ngạt, căng thẳng.

Không phải ngay từ đầu dư luận nước Mỹ đã phản đối chính sách can thiệp và xâm lược của chính quyền Mỹ ở Việt Nam, mặc dù quốc Mỹ đã vấp phải sự phản kháng mạnh mẽ của dư luận tiến bộ trên thế giới<sup>2</sup>. Trong giai đoạn 1954-1960, người dân Mỹ chưa hiểu

---

<sup>1</sup> Bộ ngoại giao (2007), *Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Paris về Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 332.

<sup>2</sup> Chính quyền và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa, chính quyền một số nước dân tộc chủ nghĩa, nhân dân lao động và lực lượng hòa bình, dân chủ ở các nước dân tộc chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa đã tố cáo sự can thiệp của đế quốc Mỹ vào Việt Nam, đòi chúng phải tôn trọng hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam. Tại nhiều nước đã có những đợt đấu tranh mạnh mẽ lên án hành động đàn áp, khủng bố dã man của bọn Mỹ và

rõ về cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam, nên chưa quan tâm đến tình hình Việt Nam, thậm chí có người còn ủng hộ hành động của Tổng thống do sự tuyên truyền xuyên tạc về sứ mệnh của nước Mỹ vì một “thế giới tự do”. Những hoạt động chống chiến tranh còn yếu ớt, rời rạc không được dư luận quần chúng hậu thuẫn nên chưa tác động nhiều đến chính quyền Aisenhau và Kennodi. Vì thế chính phủ Kennodi vẫn quyết định can thiệp quân sự vào miền Nam Việt Nam, mặc dù trong chính quyền của ông đã có những tiếng nói phản đối việc dính líu vào Việt Nam nhưng động cơ không phải vì chính nghĩa mà vì những tính toán thực dụng. Thứ trưởng ngoại giao Gioocgiơ Ban với Kennodi: “Địa lý Đông Dương là hoàn toàn không thích hợp với người lính Mỹ, nếu chúng ta cứ đi theo con đường đó thì sẽ phải hứng lấy những hậu quả bi thảm nhất sau này. Trong khoảng 5 năm nữa, chúng ta sẽ phải có 300.000 lính Mỹ trên những đồng ruộng và trong những rừng rậm Việt Nam, và chúng ta sẽ không thể nào tìm lại được họ nữa...”. Kennodi nhìn xéo vào mặt Ban và nói: “Gioocgiơ, ông điên quá trời rồi đó”<sup>1</sup>.

Đến đầu những năm 60 của thế kỷ XX, Kennodi còn nhận được những lời can ngăn khác. Tháng 4-1962, Giôn Kennét Ganborai, giáo sư kinh tế học của đại học Havort nói: “Việt Nam sẽ từng bước dẫn Mỹ vào một sự dính líu quân sự lớn, rất hao người tốn của, mà kết quả không chắc chắn, phải mất nhiều thời gian lắm mới rút ra được”<sup>2</sup>.

George Kennan, người đưa ra học thuyết ngăn chặn sự thu hút Mỹ vào cuộc chiến tranh ở Việt Nam, mà ông gọi đó là cuộc xung đột và là "một chủ trương tai hại của cả nước Mỹ trong hơn 200 năm toàn bộ lịch sử của nó". Theo ông, lúc đầu, chiến tranh Việt Nam dường như chỉ đơn giản là một cuộc đấu tranh về ngoại vi của cuộc chiến tranh lạnh, một cuộc đấu tranh, trong đó các bang sẽ cố gắng để cân bằng việc chống lại chủ nghĩa cộng sản mà không trở nên quá sâu hoặc trực tiếp tham gia vào thế giới thứ ba<sup>3</sup>.

Từ khi Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời (20-12-1960), giương cao ngọn cờ đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân miền Nam đấu tranh chống Mỹ và tay sai, thực hiện một miền Nam Việt Nam “hoà bình, độc lập, dân chủ, trung lập, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc”, và từ khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam (1961), thì phong trào chống Mỹ, ủng hộ Việt Nam ngày càng phát triển rộng rãi, mạnh mẽ và liên tục<sup>4</sup>.

Chiến tranh Việt Nam dần trở thành mối quan tâm của nhân dân toàn thế giới. Tin tức và hình ảnh về cuộc chiến tranh, qua các phương tiện thông tin đại chúng, hằng ngày đi vào từng gia đình. Công tác tuyên truyền và vận động dư luận của Việt Nam lúc này là tập trung làm sáng tỏ vấn đề Việt Nam, đập tan những thủ đoạn và luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của Mỹ và chính quyền Sài Gòn, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của bè bạn khắp năm châu trong đó có nhân dân Mỹ, góp phần hình thành luồng dư luận có lợi cho lập trường của

---

chính quyền tay sai đối với những người yêu nước ở miền Nam Việt Nam, tiêu biểu là đợt đấu tranh lên án vụ dùng thuốc độc thảm sát những người yêu nước bị giam ở trại tập trung Phú Lợi năm 1958.

<sup>1</sup> Ngô Văn Quỹ: *Cuộc chiến trong lòng nước Mỹ*, Sđd, tr.21.

<sup>2</sup> Ngô Văn Quỹ), *Cuộc chiến trong lòng nước Mỹ*, Sđd, tr.21.

<sup>3</sup> Alan Brinkley, *American History A survey*, Boston, McGraw- Hill, 1995, p. 843.

<sup>4</sup> Nhiều chính phủ, nhiều đoàn thể quần chúng của từng nước và nhiều tổ chức quốc tế, nhiều nhân vật tiêu biểu trên thế giới đã kịch liệt lên án đế quốc Mỹ can thiệp vào miền Nam Việt Nam.

Việt Nam và ủng hộ cách mạng Việt Nam. Nó làm cho dư luận rộng rãi, đặc biệt là dư luận Mỹ, hiểu rõ nguồn gốc, nguyên nhân và bản chất cuộc chiến tranh Việt Nam, thấy rõ tính chất chính nghĩa cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Trong cuốn *Những bí mật của cuộc chiến tranh Việt Nam*, Philip B. Davitson nhận định rằng phương tiện thông tin đại chúng đóng vai trò quan trọng trong việc hủy hoại sự ủng hộ của dân chúng (Mỹ) đối với cuộc chiến tranh (của Mỹ). Trong đó, vô tuyến truyền hình đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình làm tiêu tan ý muốn chiến tranh của Mỹ. “Món ăn tinh thần” này đã phản ánh liên tục về sự tiêu hủy, nổi thống khổ và máu được đưa đến tận phòng ở của người Mỹ và làm cho người dân Mỹ bị chấn động và hoảng sợ. Cả Giôn-xơn và Ních-xơn mãi sau này vẫn không nhận thức được rằng trong kỷ nguyên này kiểm soát hình ảnh là thông tin và trung tâm của việc thực hiện quyền lực chính trị...

Tại nước Mỹ, do tác động của dư luận quốc tế, cùng những tổn thất đầu tiên của lực quân và không quân Mỹ trên chiến trường, những tổn kém của cuộc chiến tranh khiến cho phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam ở Mỹ hình thành và ngày càng phát triển, nhất là trong thanh niên, sinh viên, phụ nữ và người Mỹ da đen. Số thương vong của lính Mỹ trên chiến trường Việt Nam ngày càng tăng, thì sự phản kháng của nhân dân Mỹ ngày càng mạnh. Họ mất dần đi niềm tin và không muốn ủng hộ hành động chiến tranh của chính quyền Mỹ. Giáo sư Loren-xơ W. Líchty nhận xét: “Nếu người ta có sự phân tích thống kê thật tỉ mỉ thì sự ủng hộ chiến tranh tỷ lệ nghịch chính xác với số người bị giết. Chính những người Mỹ trở về trong những chiếc quan tài, hơn bất cứ cái gì khác, đã xoay chuyển dư luận chống lại chiến tranh”<sup>1</sup>.

Khi chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ bắt đầu, cũng là lúc ở Mỹ nổi lên những tiếng nói phản đối chiến tranh.

Nếu như phong trào phản chiến ở Pháp trong cuộc chiến tranh Đông Dương 1945-1954 bắt đầu từ giai cấp công nhân, rồi lan rộng ra các giai cấp và tầng lớp khác; thì ở Mỹ phong trào lại bắt đầu từ những nhóm trí thức tiến bộ, lan dần trong sinh viên, sau đó mới đến các tầng lớp lao động, giai cấp công nhân. Mở đầu là những kiến nghị của những nhóm trí thức và nhà tu hành.

Ngày 16-4-1962, 16 nhà trí thức nổi tiếng Mỹ đã gửi thư ngỏ cho Kennơđi vạch rõ: “Sự can thiệp vào miền Nam Việt Nam là một sự vi phạm đặc sắc các Hiệp nghị Giơnevơ” và tỏ ý không tin vào khả năng chiến thắng của Mỹ ở Việt Nam. Tiếp đó là thư ngỏ ngày 1-3-1963 của 62 trí thức, nhân sĩ Mỹ đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Một tháng sau là bức thư ngỏ có chữ ký của 650 trí thức, nhân sĩ Mỹ<sup>2</sup>.

Từ tháng 6 đến tháng 8-1963, trước những hành động đàn áp của Mỹ và chính quyền Sài Gòn đối với phong trào đấu tranh của Phật tử miền Nam Việt Nam, đặc biệt là sự kiện hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu để phản đối chính sách của Mỹ, nhiều mục sư, linh

---

<sup>1</sup> Philip B. Davitson, Nguyễn Ngọc Bình, Hoàng Bình dịch: *Những bí mật của cuộc chiến tranh Việt Nam*, Sách tham khảo, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.265-266.

<sup>2</sup> Quỳnh Cư: “Phong trào nhân dân Mỹ phản đối cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 91, 1966, tr.6.

mục, giáo sĩ Mỹ lên tiếng phản đối Mỹ đã làm chỗ dựa cho chính quyền Ngô Đình Diệm, trong đó có cuộc biểu tình của 15.000 nhà tu hành, linh mục Mỹ...

Các trí thức, các linh mục, mục sư yêu chuộng hòa bình, các bà mẹ không muốn con em mình chết oan uổng ở miền Nam Việt Nam, kể cả những nhân sĩ ngoài nước Mỹ, dùng báo chí đăng những bản tuyên bố, những bức thư ngỏ để bày tỏ ý kiến. Những thông tin đó được đăng tải trên tờ như *Niu Yoóc Times*, một tờ báo có hàng triệu độc giả thuộc đủ các hạng người, phần nào giúp nhân dân Mỹ hiểu được cuộc chiến tranh phi nghĩa mà chính phủ họ đang tiến hành.

Ngày 21-9-1963, tại Niu Yoóc, 14 tổ chức quần chúng Mỹ ký tên trong truyền đơn vạch trần tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam...<sup>1</sup>, cùng các cuộc biểu tình rộng lớn khắp các thành phố của đông đảo sinh viên, thanh niên Mỹ đã tạo nên sự chú ý của nhân dân thế giới.

Phong trào chống chiến tranh Việt Nam bùng phát sôi nổi trong sinh viên các trường đại học như: Ann Arbor, Berkeley, Columbia, Cornell, Detroit, Howard, Madison, Stanford..., lôi cuốn những thanh niên tới tuổi quân dịch, mẹ và vợ của họ. Họ cùng nhau lập tổ chức “Ngày 2-5” với nguyện vọng chính đáng là không cho máu của thanh niên Mỹ phải đổ vì quyền lợi của bọn đế quốc, vì thế tổ chức này vừa ra đời đã lôi cuốn được đông đảo sinh viên các trường đại học và một bộ phận nhân dân tham gia. Theo lời kêu gọi của tổ chức này, ngày 2-5-1964, nhiều cuộc mít tinh, biểu tình nổ ra ở Niu Yoóc, Madison, Xanphoranxixcô, Talahátxi. Đáng chú ý nhất là cuộc biểu tình của 700 sinh viên ở Xanphoranxixcô kéo đến cổng trại lính Porêđiô hô hào binh lính không tham gia chiến tranh ở Việt Nam. Ngoài những cuộc mít tinh, biểu tình, sinh viên các trường đại học Pennsylvania, Côlumbia, Niu Yoóc, Benninton, Hêvopho đã tổ chức chiếu phim kháng Mỹ của Việt Nam và giới thiệu các bài phóng sự của nhà báo Úc Bócset, nhằm tố cáo tội ác của đế quốc Mỹ. Những hoạt động sôi nổi của sinh viên đã tác động mạnh đến các tầng lớp nhân dân Mỹ. Ngày 15-5-1964, 1.500 nhân dân Niu Yoóc xuống đường biểu tình; ngày 11-7-1964, 5.000 giáo sư các trường đại học Mỹ ra tuyên bố cực lực lên án cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam<sup>2</sup>.

Từ thanh niên, sinh viên, trí thức, ngày càng có nhiều người, nhiều tầng lớp trong nhân dân Mỹ nhận thức được ảnh hưởng xấu của cuộc chiến tranh Việt Nam đến lợi ích của chính họ và con cháu họ. Đầu tháng 10-1964, nhóm FOR (Fellowship of Reconciliation – Đoàn thể của sự hòa giải)<sup>3</sup> do một cựu binh Mỹ A.J Mútto cầm đầu, lần đầu tiên công bố bản “*Tuyên ngôn của Lương tâm chống cuộc chiến tranh Việt Nam*” kêu gọi chống chế độ quân dịch và phản đối chính phủ đã tăng quá nhiều số cổ vũ quân sự Mỹ sang Việt Nam.

Năm 1963, nhóm WRL (War Resisters League – Liên minh những người chống chiến tranh)<sup>4</sup> tập trung phản đối việc gửi cổ vũ quân sự Mỹ sang Việt Nam. Ngày 16-5-1964,

<sup>1</sup> Quỳnh Cư: “Phong trào nhân dân Mỹ phản đối cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam”, *Sdd*, tr. 6.

<sup>2</sup> Quỳnh Cư: “Phong trào nhân dân Mỹ phản đối cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam”, *Sdd*, tr.6.

<sup>3</sup> Nhóm FOR được thành lập năm 1914 trong Thế chiến thứ nhất, có ảnh hưởng lớn ở Mỹ và cả ở Anh.

<sup>4</sup> Nhóm WRL ra đời năm 1923, đã từng đấu tranh phản đối sự tham chiến của Mỹ vào thế chiến thứ hai, và cuộc chiến tranh Triều Tiên.

dưới sự lãnh đạo của nhà hoạt động Đavít Đelinggior, nhóm này tổ chức một cuộc biểu tình ở Niu Yoóc, trong đó lần đầu tiên có 12 người đốt thẻ quân dịch trước sự chứng kiến của đám đông dân chúng. Vào tháng 12-1964, nhóm lại tổ chức lần đầu tiên một cuộc biểu tình lớn có tầm cỡ quốc gia chống cuộc chiến tranh Việt Nam<sup>1</sup>.

Ngày 10-3-1964, thượng nghị sĩ Ônét Goruning của Alatkka tố cáo: “Sự phung phí nhân mạng và kinh tế của Mỹ để đi tìm một cách vô hiệu quả trong các rừng rậm, sự chống đỡ cho một triều đại thối nát (Ngô Đình Diệm) mà ngay chính nhân dân miền Nam Việt Nam cũng muốn xóa bỏ nó đi.... Tất cả những cái đó không đáng giá tính mạng dù chỉ là của một người lính Mỹ thôi. Sự mất mát những sinh mạng Mỹ ở Việt Nam rồi có ngày sẽ bị lên án là một tội ác...”<sup>2</sup>.

Trong phong trào của nhân dân Mỹ, nổi lên những tiếng nói gay gắt phản đối Mỹ sử dụng chất độc hóa học ở Việt Nam.

Nhân dịp hội nghị hàng năm của các nhà khoa học Mỹ, ngày 19-6-1964, Liên đoàn các nhà khoa học Mỹ do bác sĩ B. Lâu làm chủ tịch ra tuyên bố đòi Giônxon và Chính phủ Mỹ phải công khai tuyên bố từ bỏ và đình chỉ sản xuất các vũ khí vi trùng, hóa học và phóng xạ, đồng thời lên án giới cầm quyền Mỹ dùng chất độc hóa học trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam với mục đích rõ rệt là nhằm giết hại thường dân.

Báo Mỹ *Công nhân* và *Người bảo vệ quốc gia* ngày 19-5-1964 vạch rõ, chính những chất độc hóa học do máy bay Mỹ rải xuống “đã tiêu diệt cây cối trong những vùng sản xuất lương thực ở Nam Việt Nam”. Bài báo nhấn mạnh: “Chưa lúc nào nhân dân ta (nhân dân Mỹ) thấy cần phải lên tiếng phản đối một cách cấp bách như ngày nay. Chỉ có dư luận quần chúng Mỹ mới có thể ngăn chặn một sự can thiệp sâu hơn của Mỹ vào cuộc chiến tranh vô nghĩa này. Chúng tôi yêu cầu tất cả các bạn đọc hãy viết thư, gửi điện tới Tổng thống Giônxon và các nghị sĩ quốc hội đòi phải chấm dứt cuộc chiến tranh ở Việt Nam...”<sup>3</sup>.

Ngày 24-3-1965, 2.500 nhà khoa học thuộc Liên đoàn các nhà khoa học Mỹ ra tuyên bố phản đối chính quyền Giônxon dùng các chất độc hóa học để chống lại nhân dân Việt Nam. Bản tuyên bố vạch rõ: “Trước đây chúng tôi đã lên tiếng phản đối những hành động như thế. Về mặt đạo lý chúng tôi thấy công phần vì Mỹ tự cho mình cái quyền được sử dụng bất cứ thứ vũ khí nào mà tác hại chủ yếu là nó chống lại dân thường”<sup>4</sup>.

Như vậy, trong thời gian 1954-1964, phong trào nhân dân Mỹ chống chính sách xâm lược của Chính phủ Mỹ bắt đầu hình thành. Đặc điểm nổi bật của phong trào thời gian này là bắt đầu từ những nhóm tri thức tiến bộ, trong sinh viên trước rồi sau mới đến các tầng lớp xã hội khác, chứ không bắt đầu từ phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân như ở Pháp thời kỳ 1945-1954, bởi vì lúc bấy giờ ở Mỹ những thế lực “vàng” trong giai cấp công nhân

<sup>1</sup> Ngô Văn Quỳ: *Cuộc chiến trong lòng nước Mỹ*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2005, tr. 19.

<sup>2</sup> Ngô Văn Quỳ: *Cuộc chiến trong lòng nước Mỹ*, Sđd, tr. 22.

<sup>3</sup> *Nhân dân* (báo), ngày 21-6-1964, tr. 4.

<sup>4</sup> *Nhân dân* (báo), ngày 26-3-1965, tr.1.

rất mạnh, làm tay sai cho tư bản độc quyền, trong khi ảnh hưởng của Đảng Cộng sản Mỹ trong giai cấp công nhân quá yếu.

Phong trào phản đối chiến tranh từng bước lan rộng nhưng chưa mạnh. Khi những binh đoàn quân Mỹ vào miền Nam Việt Nam, phong trào mới vượt khỏi phạm vi phản kháng bằng những kiến nghị, thư ngỏ của các tri thức, nhân sĩ và các nhà tu hành, đi vào đông đảo sinh viên đại học và các tầng lớp nhân dân để rồi biến thành những cuộc biểu tình, đấu tranh tích cực và sôi nổi. Nhược điểm lớn của phong trào là chưa có sự tham gia của giai cấp công nhân, một lực lượng xã hội đông đảo ở Mỹ, chưa có những cuộc bãi công, biểu tình lớn của công nhân chống chiến tranh Việt Nam.

Mặc dù tính chất quần chúng của phong trào còn hạn chế, nhưng đó vẫn là phong trào phản chiến lớn nhất chưa từng thấy trong lịch sử nước Mỹ, thể hiện sự thức tỉnh về chính trị của nhân dân Mỹ trước những chính sách chiến tranh của Chính phủ Mỹ, chuẩn bị điều kiện cho sự phát triển sôi sục của phong trào trong thời gian tiếp theo.

## **2. Phong trào phát triển lên đỉnh cao với những hình thức đấu tranh phong phú, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia (1965-1968)**

Từ đầu năm 1965, cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ leo thang lên một bước mới. Trước sự phá sản của chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, Mỹ chuyển sang dùng chiến lược “chiến tranh cục bộ”, đưa quân viễn chinh Mỹ vào tham chiến trên quy mô lớn ở miền Nam, đồng thời tiến hành cuộc chiến tranh leo thang phá hoại miền Bắc bằng lực lượng không quân và hải quân. Đây là lần đầu tiên Mỹ sử dụng nhiều quân nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam chẳng những xâm phạm trắng trợn chủ quyền của nước Việt Nam, mà còn là sự thách thức nghiêm trọng đối với phe xã hội chủ nghĩa và các lực lượng hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ trên toàn thế giới. Vì vậy, phong trào nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống Mỹ chuyển sang một giai đoạn mới. Làn sóng đấu tranh chống đế quốc Mỹ dâng cao khắp năm châu. Từ những nước xã hội chủ nghĩa tới những nước dân tộc chủ nghĩa, từ những nước đang đấu tranh giành độc lập dân tộc tới các nước tư bản chủ nghĩa, kể cả nước Mỹ. Lúc nào và ở đâu dư luận cũng sôi nổi chống Mỹ, ủng hộ Việt Nam.

Phong trào chống chiến tranh xâm lược Việt Nam ngày càng phát triển ngay trong lòng nước Mỹ, mà trước hết là vì quyền lợi thiết thân của thanh niên Mỹ đang bị động viên mỗi tháng mấy vạn người. Hàng chục nghìn cuộc mít tinh, biểu tình với sự tham gia của hàng chục vạn người khắp nước Mỹ làm cho giới cầm quyền Mỹ phải điên đảo.

Đảng cộng sản Mỹ nói: “Lịch sử sẽ không tha thứ cho nước Mỹ nếu như công nhân Mỹ làm ngơ hay tán thành những hành động tội ác (của đế quốc Mỹ) tiến hành dưới danh nghĩa chúng ta để tàn sát nhân dân Việt Nam”<sup>1</sup>. Phong trào phản chiến ở Mỹ ngày càng có tổ chức và hình thành trên thực tế một mặt trận rộng rãi chống chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam.

---

<sup>1</sup> Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Sử học: *Sức mạnh chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1985, tr. 284.

Ngày 15-4-1965, một dòng người từ 300.000 đến 400.000 người đổ về Oasinhton bao gồm các sinh viên, các nhà lãnh đạo da đen, một nhóm cựu chiến binh mất tinh, biểu tình. Có đợt đầu tranh thu hút tới hơn 1 triệu người ở 412 thành phố thuộc 37 bang. Phong trào còn thu hút một số đông nghị sĩ Mỹ tham gia.

Tháng 6-1965, 18.000 người ở thành phố Niu Yoóc họp và quyết định kêu gọi những người chống chiến tranh thống nhất lại trong một tổ chức lấy tên là: Ủy ban phối hợp toàn quốc nhằm chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Theo lời kêu gọi của Ủy ban này, hàng nghìn người kéo đến những trung tâm tuyển quân để biểu tình phản đối chiến tranh.

Đặc biệt là hai đợt đầu tranh lớn vào tháng 10-1965 (thu hút 10 vạn người tham gia ở 60 thành phố), và tháng 3-1966 (riêng tại Niu Yoóc đã tập hợp được 10 vạn người xuống đường), họ giương cao cờ Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và cùng nhau hô vang khẩu hiệu: “Đình chỉ ngay việc ném bom nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”, “Rút ngay quân đội Mỹ về nước”.

Phong trào đầu tranh diễn ra với những hình thức phong phú và quyết liệt. 100 thanh niên Mỹ vượt qua hàng rào dây thép gai cao 2m50 xông thẳng vào cảng quân sự Ốc len chặn một tàu thủy sang Việt Nam; 300 người chen đường xe lửa chở lính, nhảy lên xe giải thích cho lính dừng sang Nam Việt Nam. Hàng ngàn người mở chiến dịch viết thư và gọi điện thoại đến các gia đình có chồng con gửi sang Việt Nam; 4.000 người, trong số đó có nhiều tri thức cỡ thế giới tuyên bố đòi đình chỉ mọi viện trợ cho cho Sài Gòn và kêu gọi thanh niên đừng gia nhập quân đội, kêu gọi công nhân đừng tham gia sản xuất và vận chuyển vũ khí và thiết bị chiến tranh, kêu gọi tri thức đừng tham gia nghiên cứu các đề tài phục vụ cuộc xâm lược. Thanh niên và sinh viên nêu khẩu hiệu “Giôn-xơn đem bom cho Việt Nam, chúng ta đem máu cho họ” và phát động cuộc hiến máu gửi chiến sĩ giải phóng Việt Nam...<sup>1</sup>

Một số lãnh tụ công đoàn Harry Bridge (công đoàn công nhân các bến tàu), công đoàn Emile Mazey (công đoàn ô tô), hay ban chấp hành Công đoàn thống nhất các công nhân ô tô, Công đoàn may mặc với 380.000 đoàn viên đã lên tiếng phản đối chiến tranh ở Việt Nam....<sup>2</sup>

Trong phong trào có sự kết hợp đầu tranh chống chiến tranh ở Việt Nam với cuộc đầu tranh của người Mỹ da đen đòi quyền công dân. Chủ tịch Hội đồng các công đoàn người Mỹ da đen Philippe Randolph đã vận động được đại đa số đại biểu trong Đại hội năm 1965 biểu quyết phản đối chiến tranh ở Việt Nam. Tháng 7-1965, tại đại hội “Bình đẳng chủng tộc”, các đại biểu đã thông qua nghị quyết kêu gọi người Mỹ da đen thống nhất hành động đòi Mỹ rút quân khỏi miền Nam Việt Nam. Nhiều cuộc biểu tình của người Mỹ da đen được tổ chức ở Hoa thịnh đôn, Boston... không chỉ phản đối xâm lược, mà còn ủng hộ cuộc đầu tranh vì độc lập tự do của nhân dân Việt Nam...

---

<sup>1</sup> Trần Văn Giàu (1970), *Miền Nam giữ vững thành đồng*, tập 4, Nxb. Khoa học Xã hội, tr. 405.

<sup>2</sup> Trần Văn Giàu: *Miền Nam giữ vững thành đồng*, tập 3, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1968, tr. 468.

Năm 1966 đánh dấu một bước phát triển mới mạnh mẽ của phong trào quần chúng Mỹ đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam khi mà cuộc chiến tranh phi nghĩa này ngày càng tiêu tốn 15 đến 20 ngàn đô mỗi năm của nước Mỹ và hàng chục vạn sinh mạng thanh niên Mỹ.

Nhân dân Mỹ mở cuộc vận động toàn quốc phản đối chiến tranh ở Việt Nam. Ngày 8-11-1966, nhân cuộc bầu cử quốc hội Mỹ nhân dân ở 50 thành phố lớn nhất nước Mỹ, biểu tình rầm rộ. Kết thúc cuộc biểu tình, đoàn đại biểu của 15 tổ chức hòa bình Mỹ kéo đến trước Phủ Tổng thống đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Trong năm 1967 diễn ra ba đợt đấu tranh phản chiến lớn của nhân dân Mỹ: “Động viên mùa xuân”; “Tuần lễ chống chiến tranh xâm lược Việt Nam” và “Tuần lễ phản đối chiến tranh Việt Nam và chống quân dịch”. Đây là những đợt đấu tranh toàn quốc huy động đông người nhất, đồng thời là cuộc đấu tranh đẫm máu của người da đen Mỹ.

Trong đợt “Động viên mùa xuân” chỉ riêng hai thành phố Niu Yoóc và Xanphoranxixcô có 500.000 người biểu tình chống chiến tranh.

Trong “Tuần lễ chống chiến tranh xâm lược Việt Nam” (từ 15 đến 20-10-1967) thu hút 3 triệu 40 vạn người xuống đường biểu tình hô vang các khẩu hiệu đòi chấm dứt ngay cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Mở đầu cuộc đấu tranh khổng lồ này là 200.000 người, đại biểu của 47 bang từ khắp nước Mỹ tập hợp ở thủ đô Oasinhtơn bao vây Lầu Năm Góc. Trước làn sóng đó, giới cầm quyền Mỹ phải huy động tới 14.000 binh lính và chi phí hơn 1 triệu đô la để đàn áp. Nhân dân các nước tư bản như Canada, Anh, Tây Đức, Pháp, Ý, Bỉ, Thụy Điển, Phần Lan, Na Uy, Đan Mạch, Ixaren, Nhật, Ôxtrâyliá..., các nước xã hội chủ nghĩa... cùng phối hợp đấu tranh với nhân dân Mỹ.

Trong tuần lễ thứ ba, “Tuần lễ phản đối chiến tranh Việt Nam và chống quân dịch” do 50 tổ chức thanh niên, sinh viên, tôn giáo, người da đen tiến hành mít tinh, biểu tình, bao vây trạm tuyển binh... Ký giả Mỹ Oantơ Lipman nhận xét: “Chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam là một cuộc chiến tranh không được lòng dân nhất trong lịch sử nước Mỹ; đây cũng là cuộc chiến tranh làm phương hại sâu sắc nhất đến lương tâm của người Mỹ”<sup>1</sup>.

Thanh niên Mỹ phản đối gay gắt việc đi lính, bằng cách đốt thẻ quân dịch, tuyệt thực... với tinh thần: “Đốt thẻ quân dịch, không đốt trẻ em”, “Thà ở tù còn hơn đi chết thay cho Giôn xơn”. Để trốn quân dịch, nhiều thanh niên Mỹ đi làm giấy giả thú, kết hôn để khỏi bị gọi nhập ngũ. Khi bị gọi đi lính, họ phải dự một kỳ thi kiểm tra học lực và khám sức khỏe. Trong kỳ kiểm tra học lực, nhiều người cố tình trả lời sai để bị đánh hỏng, trong số 4700 000 thanh niên đến tuổi nhập ngũ thì quá nửa cố tình tả lời sai. Khi kiểm tra sức khỏe, họ tìm mọi cách để tạo ra “bệnh tật” như ngâm thuốc lá vào mực xanh rồi hít mạnh vào phổi, khi chiếu điện phổi sẽ hiện ra những vết lấm tẩm đen, bác sĩ nghi ngờ họ bị bệnh phổi mà loại đi, hay ăn nhiều kẹo cao su cho hạ huyết áp để thoát phải đi lính..., một số người khác tìm cách mua giấy hoãn quân dịch với giá 5.000 đô la để được xếp vào quân dự bị...

Phong trào đó gây nên sự phản ứng dây chuyền trong khắp nước Mỹ, hình thức đấu tranh càng trở nên quyết liệt hơn. Nhiều người tự thiêu để phản đối chiến tranh như: cụ bà

---

<sup>1</sup> Trần Văn Giàu: *Miền Nam giữ vững thành đồng*, t. 4, Sdd, tr. 409.



Alice Herz, 82 tuổi, ở thành phố Detroit, một thành viên của Liên đoàn phụ nữ Quốc tế vì hòa bình tự do (WILPF) và tổ chức phụ nữ đấu tranh cho hòa bình (WSP); anh Noocman Morison tự thiêu ngay dưới cửa sổ phòng làm việc của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Mắc Namara (2-11-1965), anh Rôgiơ La Poócơ tự thiêu trước trụ sở Liên Hiệp quốc (9-11-1965), chị Xilin Gianxaoski tự thiêu ngay ở nhà mình (đêm 10-11-1965)... làm bùng lên ngọn lửa căm phẫn trong toàn thể nhân dân Mỹ.

Ba tháng trước khi tự thiêu, Morison gửi một bức thư đến báo Mặt trời Bantimo, tố cáo mạnh mẽ sự lừa bịp tàn bạo của chính quyền Giônxon, kiên quyết phản đối cuộc chiến tranh phi nghĩa của Mỹ. Bức thư viết: “Thanh niên Mỹ chúng ta không có lý nào phải đáp ứng lời kêu gọi phản cách mạng mà người ta bảo đó là yêu nước... Tổng thống Giônxon rêu rao rằng kẻ thù của chúng ta bị cộng sản châu Á xúi giục, nhưng tại sao người Mỹ chúng ta lại phải chết vì lời xúi giục ấy?... Khó có thể tưởng tượng được cuộc chiến tranh này kéo dài bao lâu, nhưng dù sao cũng đủ thời gian cho người Mỹ chúng ta hiểu ra rằng cần phải chấm dứt loại chiến tranh này...”. Sau này vợ anh nói: “Noocman Morison hy sinh để mọi người hiểu rằng anh rất đau xót trước cảnh chết chóc đau khổ trong chiến tranh Việt Nam; cũng là để phản đối việc chính quyền ngày càng dính líu sâu vào cuộc chiến tranh, và để các công dân Mỹ phải lên tiếng chống lại hành động đó của nước Mỹ”<sup>1</sup>. Trước khi qua đời, Rôgiơ La Poócơ còn kịp nói với các nhà báo: “Tôi là công dân Cơ đốc giáo. Tôi phản đối mọi cuộc chiến tranh. Việc tôi làm đây là một hành động tôn giáo”. Sau đó, tổ chức Công nhân Cơ đốc giáo ra tuyên bố: “La Poócơ chết để nhấn nhủ với nhân dân Mỹ rằng chúng ta không được dùng bạo lực ở Việt Nam, vì bạo lực sẽ làm hại chính nước Mỹ và thành phố Niu Yoóc này”<sup>2</sup>.

Cái chết của cụ bà Alice Herz, anh Noocman Morison, anh Rôgiơ La Poócơ và chị Xilin Gianxaoski đã khiến cho nhân dân Mỹ phải đặt câu hỏi: Tại sao nước Mỹ lại có mặt ở Việt Nam? Việc Mỹ dính líu đến Việt Nam nghiêm trọng đến mức nào mà những thanh niên và cụ bà phải tìm cái chết khủng khiếp để phản đối như vậy?

Sau những sự kiện trên, cuộc đấu tranh của nhân dân Mỹ phản đối chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam ngày càng phát triển mạnh với nhiều hình thức và sự tham gia của đông đảo quần chúng.

Sinh viên các trường đại học Mỹ: Oasinhton, Niu Yoóc, Sicago, Đitoroi, Téchedát sôi sục tham gia những cuộc biểu dương lực lượng chống bắt lính sang Việt Nam. Cuộc “đi bộ” của 200 000 người từ 43 bang về Oasinhton “đòi hòa bình ở Việt Nam”, biểu tình trước Nhà Trắng, phủ Tổng thống Mỹ, giương cao các biểu ngữ “ủng hộ các nguyên tắc của Hiệp định Giơnevơ năm 1954”, “Gọi ngay quân đội Mỹ ở Nam Việt Nam về”...

Nhảy cảm nhất là cộng đồng các trường đại học, như đại học Michigan, Columbia, Wisconsin, Oregon..., lúc đầu là hình thức “hội thảo”, rồi phát triển thành những cuộc biểu tình, tuần hành...

---

<sup>1</sup> Bộ ngoại giao: *Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Paris về Việt Nam*, Sdd., tr. 338.

<sup>2</sup> Bộ ngoại giao (2007), *Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Paris về Việt Nam*, Sdd, tr. 338.

Tại các trường đại học ở Mỹ diễn ra những cuộc “đấu lý”, “tranh luận” rất sôi nổi. Đây là một hình thức đấu tranh độc đáo, gây ảnh hưởng không chỉ trong nước mà cả thế giới. Mùa xuân năm 1965, một nhóm giáo sư trường đại học Ann Arbor ở Michigan tỏ thái độ phản đối chiến tranh Việt Nam bằng cách bỏ dạy trong 24 giờ, khi bị nhà trường phản đối, họ nghĩ ra sáng kiến tổ chức một cuộc tranh luận về vấn đề chiến tranh ở Việt Nam và thu hút đông đảo người nghe. Rất nhiều trường đại học ở khắp nước Mỹ theo gương trường Ann Arbor cũng tổ chức tranh luận, đấu lý. Có nơi thỉnh giả đòi đại diện của những người bảo vệ quan điểm của Giônxon đến, nhiều đại biểu không dám đến, hoặc có đến đều phải bỏ dở buổi thuyết giáo ra về giữa tiếng cười nhạo báng, chế giễu của hàng vạn người. Nhiều cuộc tranh luận kéo dài nhiều ngày liên tiếp.

Lớn nhất là cuộc tranh luận tại Oasinhton và Tôrônô (1965). Trong cuộc tranh luận tại Oasinhton do “Ủy ban liên trường đại học thảo luận công khai về chiến tranh ở Việt Nam” được phổ biến bằng điện thoại, phát thanh và vô tuyến truyền hình cho 110 trường đại học thuộc 35 bang nước Mỹ. Bândi, cố vấn đặc biệt của Giônxon, chuyên gia cao cấp của Việt Nam phải “bỏ cuộc” ra về giữa chừng.

Cuộc tranh luận ở Tôrônô diễn ra vào mùa thu năm 1965 không chỉ có tiếng vang trong nước mà có ảnh hưởng quốc tế mạnh mẽ. Các đề tài thảo luận là: Cách mạng và quyền tự quyết các dân tộc, cách mạng và sự xung đột giữa các liệt cường, cách mạng và sự can thiệp từ nước ngoài...

Những cuộc “teach in” (thảo luận, tranh luận, hội thảo hay đấu lý) về đề tài chiến tranh Việt Nam tại các trường đại học của nhiều giáo sư và sinh viên Mỹ về nội dung tán thành Giônxon và phản đối Giônxon, lôi cuốn hàng trăm, hàng vạn người nghe và xem. Những cuộc “teach in” này cho phép những người Mỹ kết hợp đấu tranh biểu tình phản đối chiến tranh Việt Nam với đấu tranh bằng sự tuyên truyền giáo dục chính trị cho những người tham dự trực tiếp.

Theo Alan Brinkley, “đến cuối năm 1967, các sinh viên Mỹ phản đối chiến tranh đã trở thành một lực lượng chính trị đáng kể. Cuộc tuần hành hòa bình rất lớn trong Niu Yoóc, Washington, DC, và các thành phố khác đã thu hút sự chú ý của công chúng rộng rãi phong trào phản chiến. Sự phản đối chiến tranh đã trở thành vấn đề trung tâm trong chính trị cánh tả và trong nền văn hóa của các trường cao đẳng và đại học. Nó đã thâm nhập vào nền văn hóa phổ biến như là rõ ràng nhất trong phổ biến các phóng viên đã dành thời gian ở Việt Nam, đã giúp duy trì sự chuyển động với tiết lộ thẳng thắn của họ về sự tàn bạo và vô ích rõ ràng của chiến tranh”<sup>1</sup>.

Thanh niên Mỹ còn viết thư cho nhân dân Việt Nam để thể hiện tình hữu nghị, sự ủng hộ nhiệt thành và bày tỏ tình đoàn kết của những người bạn Mỹ với nhân dân ta. Đáng chú ý là bức thư của 19 thanh niên Mỹ ngày 11-5-1965 viết: “Kẻ thù mà các bạn đang đánh cũng là kẻ thù của quần chúng nhân dân Mỹ, và do đó, mỗi một đòn các bạn giáng vào kẻ thù

---

<sup>1</sup> Alan Brinkley (1995), *American History A survey*, Sdd, tr. 852.

cũng là giúp cho tự do của chúng tôi...Chúng tôi xem cuộc chiến đấu của các bạn Việt Nam là một bộ phận liên quan khăng khít có tác dụng thúc đẩy cách mạng nhân dân ở Mỹ”<sup>1</sup>.

Một bộ phận ngày càng đông các nhà tư sản, trong đó có cả những chính khách nổi tiếng, có thể lực cũng tỏ rõ thái độ phản đối chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và ủng hộ nhân dân Việt Nam.

Sự phản đối chiến tranh lan vào cả trong chính giới và giới cầm quyền, trong đó có các thành viên Quốc hội Mỹ như Phunborai, Kennan, James Gavin, Robert E. Kennodi (em trai Tổng thống Kennodi, thượng nghị sĩ Niu Yoóc). Ngay trong chính quyền, Robert Mc Namara - người đã từng làm nhiều việc để giúp mở rộng sự tham chiến của quân đội Mỹ ở Việt Nam, Clark Clifford - người kế nhiệm bộ trưởng Bộ quốc phòng Mỹ thay Mc Namara, đều lên tiếng phản đối những hành động chiến tranh của Giônxon, nhất là khi nền kinh tế Mỹ phải hứng chịu những hậu quả nặng nề, tình trạng lạm phát ngày càng tăng. Theo Alan Brinkley, “lời hứa của Giônxon “súng và bơ” đã được chứng minh là không thể duy trì. Tỷ lệ lạm phát đầu những năm 1960 ở mức 2%, tăng lên 3% vào năm 1967, 4% vào năm 1968 và 6% vào năm 1969. Trong tháng 8 năm 1967, Giônxon yêu cầu Quốc hội thông qua việc tăng thuế - một khoản phụ thu 10% được dán nhãn là “thuế chiến tranh” - mà ông biết là cần thiết nếu các quốc gia tránh được lạm phát thậm chí còn hơn đồ nát”<sup>2</sup>.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng Cộng sản Mỹ, giai cấp công nhân cũng tham gia rất tích cực các phong trào đấu tranh chung của nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới. Ngoài các hình thức mít tinh, biểu tình, tuần hành..., công nhân Mỹ còn đấu tranh dưới các hình thức bãi công làm cho giới cầm quyền Mỹ nhiều lần hoảng sợ. Tiêu biểu là cuộc bãi công của 5.000 công nhân nhà máy Aton (bang Illinois) gây khó khăn cho việc sản xuất vũ khí đạn dược để đưa sang Việt Nam; bãi công của 12.000 người tại công ty “Hàng không thế giới liên Mỹ”, của 250.000 người ở “Ngành đoàn điện quốc tế”, của công nhân hải cảng Bantimo không chịu chở vũ khí và dụng cụ chiến tranh sang Việt Nam... Khi Mc. Namara đến xưởng chế tạo vũ khí ở Long Aislan, toàn thể công nhân ở đây “dồn” ông ta bằng một cuộc biểu tình, họ hét lớn: “Ông không phải là Bộ trưởng Quốc phòng mà là bộ trưởng Bộ tội lỗi”<sup>3</sup>...

Một sự kiện khá nổi bật trong phong trào chống chiến tranh xâm lược Việt Nam ở Mỹ là phong trào đòi tự do dân chủ của đồng bào da đen. Với dân số khoảng 22 triệu người (chiếm 11% dân số nước Mỹ), nhưng là lớp người chịu nhiều khổ khổ nhất ở Mỹ, cuộc sống gặp rất nhiều khó khăn, lại phải chịu cảnh phân biệt chủng tộc gay gắt với những người da trắng, bị điều động nhiều nhất sang tham chiến ở Việt Nam (chiếm tới 25% trong tổng số quân viễn chinh Mỹ), họ không được hưởng quyền lợi gì ngoài quyền “chết ưu tiên”. Đó cũng là nguyên nhân chính của những cuộc đấu tranh vũ trang, những cuộc xung đột đẫm máu ở Sicago, Colivôlen, Minnipolit, Atlanta,...Nhất là ở Oasinhton và Đitoroi,

<sup>1</sup> Quỳnh Cư: "Phong trào nhân dân Mỹ phản đối cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam", Sdd, tr.9.

<sup>2</sup> Alan Brinkley: *American History A survey*, Sdd, tr. 852.

<sup>3</sup> Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam - Viện Sử học: *Sức mạnh chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Sdd, tr.286.

những đợt đấu tranh biến thành những cuộc nội chiến thật sự. Từ tháng 7 đến giữa tháng 8-1967, nhiều cuộc chiến đấu ác liệt nổ ra ở hơn 100 thành phố với hàng trăm người chết, hàng ngàn người bị thương, nhiều nhà máy, cửa hàng... bị tổn thất nặng nề. Báo chí Mỹ đã phải lên tiếng: “đây là cuộc nổi dậy ác liệt nhất, đẫm máu nhất, gây thiệt hại nhiều nhất; nước Mỹ đang ở bên bờ vực một cuộc nội chiến”. Thượng nghị sĩ Phunborai nhận xét rằng cuộc nổi dậy của người da đen ở Mỹ “là kết quả trực tiếp của chiến tranh ở Việt Nam”<sup>1</sup>.

Nhiều chính khách Mỹ thấy rằng cuộc đấu tranh của người da đen Mỹ đang trở thành “một cuộc khủng hoảng lớn nhất trong nội bộ nước Mỹ” (Rôbốt Kennơđi), trừ phi chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam thì Mỹ không có điều kiện vật chất và tinh thần để giải quyết cuộc khủng hoảng lớn có thể làm tan rã xã hội tư bản Mỹ<sup>2</sup>.

Cuộc đấu tranh của người da đen Mỹ có quan hệ mật thiết với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống Mỹ. Năm 1966, một lãnh tụ người da đen Mỹ nói: “Nếu Mỹ muốn có một Việt Nam thứ 2 thì sẽ có ngay trên nước Mỹ”<sup>3</sup>. Nhà lãnh tụ da đen Mỹ Stốclây Camaicon đi thăm Việt Nam nói: “Xin báo cáo với các bạn rằng chúng tôi đang xây dựng một phong trào mạnh mẽ ở nước Mỹ, phong trào thanh niên da đen giống như tôi đây không chịu đi phục vụ trong quân đội của đế quốc”. Ông tuyên bố: “Kẻ nào tán thành chiến tranh ở Việt Nam, kẻ đó dù ở đâu trong nước Mỹ cũng là kẻ đang đè đầu cưỡi cổ người da đen”<sup>4</sup>.

Từ ngày 9 đến ngày 11-2-1967, phong trào phản đối của một triệu tín đồ các đạo Giatô, Tin lành, Do Thái diễn ra ở 412 thành phố trong 37 bang khắp nước Mỹ, họ tuyệt thực suốt ba ngày để chống chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam. Đó là sự kiện chưa từng thấy trong lịch sử tôn giáo ở Mỹ và thế giới, chứng tỏ đế quốc Mỹ đang bị cô lập cao độ ngay tại nước Mỹ.

Ngày 15-2-1967, một vạn chị em thuộc “Hội phụ nữ đấu tranh cho hòa bình” rầm rộ tổ chức biểu tình, xông vào Bộ Quốc phòng Mỹ, ra tuyên bố đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam. Họ mang theo những bức ảnh trẻ em Việt Nam bị bom Napan Mỹ đốt cháy và những khẩu hiệu kịch liệt chống chiến tranh. Hơn 5.000 nhà khoa học nổi tiếng viết thư đòi Tổng thống Giôn xơn phải chấm dứt việc dùng các loại hơi độc ở Việt Nam. Trong số đó có 17 người được giải thưởng quốc tế Nôben và 129 người là viện sĩ các viện Hàn lâm khoa học. 100 giáo sư ở Niu Yoóc gửi điện cho Giôn xơn chống sự đàn áp những người phản chiến, “Ủy ban luật gia về chính sách của Mỹ ở Việt Nam” cho công bố bản giác thư dài 25 trang tố cáo chính sách của Mỹ ở Việt Nam vi phạm Hiến pháp Mỹ, vi phạm Hiến chương Liên hiệp quốc, vi phạm Hiệp định Giơnevơ về Việt Nam...

Phụ nữ Mỹ kiên trì tham gia phong trào chống chiến tranh xâm lược Việt Nam, đòi đưa ngay chồng con họ về nước, đòi chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam và Đông Dương. Một trong những tổ chức phụ nữ Mỹ có nhiều hoạt động chống chiến tranh

---

<sup>1</sup> Trần Văn Giàu: *Miền Nam giữ vững thành đồng*, t. 4, Sdd, tr. 412.

<sup>2</sup> Trần Văn Giàu: *Miền Nam giữ vững thành đồng*, t. 4, Sdd, tr. 412.

<sup>3</sup> Trần Văn Giàu: *Miền Nam giữ vững thành đồng*, t. 4, Sdd, tr. 412.

<sup>4</sup> Trần Văn Giàu: *Miền Nam giữ vững thành đồng*, t. 4, Sdd, tr. 412.

xâm lược Việt Nam là Hội phụ nữ đấu tranh cho hòa bình (viết tắt là WSP), có quan hệ với Việt Nam từ năm 1965.

Hội đã tổ chức nhiều cuộc biểu tình chống chiến tranh: như biểu tình của 2.000 phụ nữ WSP trước Lầu Năm Góc (15-2-1967); của hơn 400 phụ nữ trước tòa Nhà Trắng đòi gặp Giôn-xơn, đòi rút quân Mỹ; cuộc tuần hành của 5.000 phụ nữ Mỹ ngày 15-1-1968 kéo về Oasinhton biểu tình trước Quốc hội Mỹ giương cao các khẩu hiệu: “Chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam”, “chấm dứt cuộc khủng hoảng xã hội trong nước”, dẫn đầu đoàn biểu tình là cụ J.Rankin, 87 tuổi. Đoàn biểu tình đã trao cho chủ tịch Hạ nghị viện bản nghị quyết đòi chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Phong trào phản chiến của nhân dân Mỹ với những hình thức đấu tranh phong phú, độc đáo gây tiếng vang lớn cả trong và ngoài nước. Từ việc ký tên vào các bản kiến nghị, cử tri viết thư cho các đại biểu quốc hội và tổng thống; quảng cáo liên tục trên các báo chí và đài phát thanh truyền hình; hay thức đêm để cầu nguyện cho đến chống quân dịch, vứt trả lại chính phủ các loại huân chương và bằng danh dự; rồi tổ chức những cuộc biểu tình hợp pháp với tham gia của hàng vạn, hàng triệu quần chúng; bãi khóa, đình công, thậm chí gài bom ở trụ sở có liên quan đến chiến tranh, hoặc tự sát để phản đối chiến tranh và động viên dư luận... Hay như cuộc biểu tình suốt đêm trước cổng trại của Giôn-xơn khi hắn về nghỉ, săn đuổi Taylo không cho nói chuyện với nhân dân, rồi những hoạt động mang tính chất vui vẻ nhưng rất sâu sắc như tập hát và phổ biến những bài hát yêu nước của Việt Nam...

Phong trào phản chiến ở Mỹ và ủng hộ nhân dân Việt Nam mạnh mẽ như vậy trước hết bắt nguồn từ nhận thức cho rằng hành động xâm lược, can thiệp Việt Nam của đế quốc Mỹ là phi nghĩa, đối lập với nguyện vọng chính nghĩa của nhân dân Việt Nam là hoà bình, độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Đó là vấn đề được những người Mỹ phản chiến khai đem ra thảo luận trong hàng trăm cuộc, trước hàng vạn, hàng chục vạn sinh viên, giáo sư, trí thức, làm cho những người trước kia bên vực sự can thiệp vũ trang của Mỹ phải lúng túng. Nhiều thanh niên, binh sĩ Mỹ gọi “Cuộc chiến tranh ở Việt Nam là chiến tranh của Giôn-xơn”, “Giôn-xơn hãy đi mà đánh lấy” chứ không phải chiến tranh của dân tộc Mỹ cũng chính là vì tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh ấy. Nhân dân Mỹ cũng như dư luận thế giới hiểu rõ rằng nhân dân ta chiến đấu không vì độc lập tự do của mình mà còn vì nền độc lập tự do của các dân tộc, vì nền hòa bình trên toàn thế giới.

Tiến hành cuộc chiến tranh phi nghĩa xâm lược Việt Nam cũng như ném bom phá hoại miền Bắc, đế quốc Mỹ lộ rõ sự tàn bạo như báo chí, dư luận Mỹ và thế giới nói hàng ngày, từ việc xẻo tai, bỏ rọ đến việc dùng hơi độc, rải chất độc phá hoại mùa màng; từ việc phá chùa chiền, giết sư sãi, tàn phá bệnh viện, trường học... đến việc dùng máy bay B52 để hủy diệt mọi sự sống trên từng vùng lớn... đế quốc Mỹ đã để lại một tội ác không thể dung thứ, một vết nhơ không bao giờ xóa sạch. Điều đó gây phần nộ lương tâm nhiều người Mỹ cũng như nhân dân toàn thế giới. Không chỉ dừng lại ở những tội ác đó, đế quốc Mỹ còn ngoan cố không ngừng mở rộng leo thang chiến tranh. Chính vì thế, lo sợ chiến tranh xâm lược ở Việt Nam sẽ dẫn đến chiến tranh thế giới, hủy diệt cả nước Mỹ là một trong những động cơ thúc đẩy nhân dân Mỹ phản chiến.

Phong trào nhân dân Mỹ phản đối chiến tranh ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ đã giáng những đòn nặng nề vào địa bàn xung yếu nhất, vào hậu phương an toàn nhất của đế quốc Mỹ, làm cho chúng ngày càng gặp nhiều khó khăn trong việc huy động sức người, sức của cho cuộc chiến tranh đang thất bại ở Việt Nam.

### **3. Sự phát triển thành “Cuộc chiến ngay trong lòng nước Mỹ” (1969-1975)**

Thất bại nặng nề trên chiến trường Việt Nam, Mỹ bước vào thời kỳ suy yếu rõ rệt, kinh tế khó khăn, nội bộ chia rẽ sâu sắc. Từ đầu năm 1969, ngân sách Mỹ bắt đầu thâm hụt liên tục.

Tháng 1-1969, R. Níchxơn lên cầm quyền, đại diện cho những thế lực hiếu chiến nhất của nước Mỹ. Để khắc phục tình trạng suy yếu, chính quyền mới điều chỉnh chiến lược toàn cầu. Với Việt Nam, Níchxơn chuyển hướng chiến lược sang “Việt Nam hóa chiến tranh” nhằm rút ra khỏi cuộc chiến tranh trong danh dự và trên thế mạnh mà vẫn giữ miền Nam Việt Nam dưới ảnh hưởng của Mỹ. Để thực hiện chiến lược đó, Níchxơn triển khai một kế hoạch toàn diện về chính trị, quân sự, kinh tế, trong đó quan trọng nhất là chuyển giao vũ khí hiện đại cho quân đội Sài Gòn, củng cố chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, ngăn cản mọi âm mưu đảo chính lật đổ Thiệu; tiến hành bình định quyết liệt chiến trường miền Nam; mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia nhằm ngăn chặn tiếp tế của miền Bắc vào miền Nam Việt Nam, cô lập lực lượng cách mạng miền Nam từ bên ngoài.

Chính quyền Níchxơn hy vọng rằng việc triển khai kế hoạch toàn diện về đối ngoại sẽ giúp Mỹ cải thiện được tình hình chiến tranh ở Việt Nam, bảo đảm cho Mỹ rút quân nhanh hơn, giảm chi phí chiến tranh, giảm được sức ép từ phong trào phản chiến tại nước Mỹ, thực hiện được một giải pháp danh dự phù hợp với lợi ích của Mỹ.

Trong khi đó Mỹ đang gặp nhiều khó khăn nghiêm trọng về chính trị, quân sự, kinh tế, tài chính: ngân sách thiếu hụt, lạm phát tăng, đồng đô la sụt giá, giá cả tăng cao... Phong trào đấu tranh của nhân dân Mỹ đòi chấm dứt chiến tranh, rút hết quân Mỹ về nước cùng với phong trào đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động Mỹ, phong trào đấu tranh của người da đen ở Mỹ đòi cải thiện đời sống, đòi các quyền dân chủ, tác động mạnh mẽ đến hàng ngũ quân đội Mỹ ở Việt Nam. Nội bộ giới cầm quyền Mỹ mâu thuẫn ngày càng gay gắt.

Từ khi diễn ra cuộc đàm phán Việt Nam-Hoa Kỳ tại Pari, phong trào phản chiến ở Mỹ càng phát triển. Nhiều đoàn đại biểu Mỹ, cá nhân người Mỹ như các nhà chính khách, nhà báo, nhà văn, giáo sư, luật sư, những người lãnh đạo phong trào chống chiến tranh toàn nước Mỹ, các đoàn tôn giáo, các đoàn những bà mẹ, bà vợ của các phi công Mỹ bị bắt giam ở miền Bắc, kể cả một số nhân vật quan trọng của Quốc hội và chính quyền Mỹ đến Pháp hoặc châu Âu ghé lại Pari tìm hiểu tình hình đàm phán. Trong gần năm năm diễn ra Hội nghị, có tới hàng trăm lần phái đoàn Việt Nam tại Pari gặp gỡ với công dân Mỹ trong các đại hội, hội thảo quốc tế về đề tài Việt Nam tại Stốckhôn, Pari, Béclin, Luânđôn, Rôm... cũng như tại các cuộc tiếp xúc tay đôi ở Canada, Cuba... Tại các cuộc gặp gỡ đó, hai phái đoàn Việt Nam đã tích cực giới thiệu tình hình đấu tranh trong nước, giải thích, làm rõ mục đích, lập trường, quan điểm và thiện chí của Việt Nam tại bàn hội nghị, góp phần giải tỏa

những băn khoăn, bức xúc của các đoàn Mỹ muốn có hòa bình và muốn biết phải làm gì để sớm kết thúc chiến tranh. Những việc làm trên của hai phái đoàn Việt Nam tại Hội nghị Pari đã góp phần thúc đẩy mạnh hơn nữa phong trào nhân dân Mỹ đòi chính quyền chấm dứt chiến tranh.

Hơn nữa, từ thực tế sau bốn năm khi quân Mỹ trực tiếp vào tham chiến ở miền Nam Việt Nam, dân chúng Mỹ ngày càng thấy rõ họ đã bị chính quyền lừa dối, ít nhất cũng là từ thời Giôn-xơn. Đến thời Ních-xơn thì “nghệ thuật lừa bịp càng tinh vi trắng trợn hơn” và trở thành nguồn gốc của phong trào phản chiến nhất là khi vừa mới bước chân vào Nhà Trắng, Ních-xơn cho thực hiện ngay chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Việc làm đó đã thúc đẩy trên thực tế phong trào phản chiến của nhân dân Mỹ trở thành một “cuộc chiến ngay trong lòng nước Mỹ”, làm rung chuyển cả xã hội Mỹ.

Năm 1969, đông đảo thanh niên, nhân dân Mỹ, những người Mỹ yêu chuộng hòa bình và chính nghĩa biểu tình chống tập đoàn Ních-xơn ngoan cố kéo dài cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam; bảo vệ danh dự nước Mỹ và quyền lợi chính đáng của mình.

Cuộc xuống đường đầu tiên diễn ra trong hai ngày 6 và 7-4-1969 tại 32 thành phố nhất là ở Xanphran-xi-cô, Niu Yoóc và Sicagô. Riêng tại Xanphoran-xi-cô, 20 vạn người diễu hành cả ngày làm giao thông tắc nghẽn suốt ngày 6-4.

Hãng Thông tấn Mỹ UPI diễn tả phong trào “đã bắt đầu bằng những cuộc biểu tình từ bờ biển này đến bờ biển kia của nước Mỹ, cả ở nước ngoài và trên mặt biển”. Hãng AP khẳng định: “Đây là cuộc phản đối chiến tranh lớn nhất từ trước đến nay”.

Cuộc đấu tranh diễn ra ở 1.200 thành phố và thị trấn trong cả nước Mỹ, thu hút hàng triệu người xuống đường mang theo khẩu hiệu: “Đả đảo Tổng thống nuốt lời hứa”, “Rút ngay tất cả quân đội Mỹ ở Việt Nam về nước”, “Chấm dứt mọi dính líu quân sự ở Việt Nam”...

Ngày 15-10-1969, nổ ra cuộc đấu tranh lớn của toàn thể sinh viên ở 1000 trường đại học và trung học (trong tổng số 1.600 trường ở Mỹ) do “Ủy ban không ngừng hoạt động vì Việt Nam” lãnh đạo lôi cuốn nhiều tầng lớp nhân dân hưởng ứng, trong đó có nhiều người thuộc tầng lớp trên tham gia: 237 hạ nghị sĩ, 17 thượng nghị sĩ, hai Chủ tịch đảng, 4 thống đốc bang, hai thị trưởng...

Riêng tại Oasinhtơn, đêm ngày 15-10-1969, 30 vạn nhân dân thủ đô bận đồ đen, lặng lẽ tiến đến vây quanh Nhà Trắng. Đoàn người khổng lồ đó, tay cầm nến, trước ngực quàng chéo tấm băng ghi tên người thân đã vĩnh viễn ra đi vì cuộc chiến tranh Việt Nam.

Từ một số thành phố ban đầu, phong trào lan rộng sang các thành phố khác Lốt Ănggiolét, Philađenphia, Minapôlít, Camprít, Indiana, Bantimo... các trường học, nhà thờ cũng tích cực tham gia hưởng ứng. Những tiếng nói phản đối chiến tranh lan cả vào Thượng nghị viện, Hạ nghị viện, những căn cứ quân sự, những doanh trại quân đội, những cơ quan tuyển lính... Như một dòng thác cuộn cuộn, cuộc đấu tranh đã lôi cuốn đông đảo thanh niên, sinh viên, binh sĩ, các tầng lớp lao động chân tay, trí thức cho đến cả những nhà hoạt động chính trị, những người giữ chức vụ quan trọng trong bộ máy nhà nước, các nhà

hoạt động tôn giáo, các nhà kinh doanh, cả nam cả nữ, già và trẻ, người da màu hay da trắng, tất cả hình thành một mặt trận rất hùng hậu.

Đúng một tháng sau, cả thế giới lại được chứng kiến một cuộc đi bộ chống chết chóc diễn ra đồng thời ở tất cả các thành phố lớn suốt hai ngày đêm. Một bầu không khí căng thẳng, tang tóc bao trùm khắp nước Mỹ. Các hình thức đấu tranh rất phong phú. Theo hãng Thông tấn Pháp AFP, tại các đường phố, các quảng trường, các vườn hoa, chung quanh trường học hay các công sở của nhiều thành phố và thị trấn đều diễn ra những cuộc mít tinh, biểu tình rầm rộ, trong những buổi mít tinh, biểu tình ấy nhiều người có danh vọng trong xã hội, có địa vị trong bộ máy nhà nước đã nói chuyện về cuộc chiến tranh ở Việt Nam, về những tội ác mà đế quốc Mỹ đã gây ra cho đất nước này...

Ngày 15-11-1969, 30 vạn người ở Oasinhton, 25 vạn người ở Xanphanxítxcô lại xuống đường biểu tình đòi chấm dứt ngay chiến tranh xâm lược Việt Nam. Cuộc đấu tranh của nhân dân Mỹ nhanh chóng được sự hưởng ứng ở hầu khắp các nước trên thế giới. Những nước trước đây phong trào còn diễn ra lẻ tẻ như Nam Phi, Thổ Nhĩ Kỳ, Zămbia, Tây Ban Nha..., thì giờ đây cũng hưởng ứng cuộc đấu tranh của nhân dân Mỹ và nhân dân toàn thế giới. Hơn 300 tổ chức chống Mỹ, đoàn kết với Việt Nam của các nước trên thế giới kịp thời lên tiếng ủng hộ và kêu gọi nhân dân đất nước họ phối hợp với cuộc đấu tranh của nhân dân Mỹ.

Phong trào đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân Mỹ làm cho chính quyền Níchxon hoảng sợ, lúng túng, phải điều động 28 vạn lính để đối phó. Nhưng trước sức mạnh như vũ bão của nhân dân, giới cầm quyền Nhà Trắng không dám đàn áp.

Cơn sốt chính trị lan tràn khắp nước Mỹ, nhất là khi nhiều tin không vui từ cuộc hòa đàm Pari liên tiếp truyền về Oasinhton, khiến cả trường và phó đoàn Catbôt Lốtgiơ và Xâyrôt Venxơ phải xin từ chức. Dân chúng Mỹ càng bất bình, cơn bão phần nộ của nhân dân Mỹ đổ xuống tập đoàn hiếu chiến Níchxon. Từ năm 1970, Níchxon mở rộng chiến tranh sang Campuchia và Lào làm dấy lên một phong trào chống đối diễn ra mạnh mẽ cả trong và ngoài nước Mỹ. Chiến tranh không chỉ diễn ra ở Việt Nam mà cả bên trong nước Mỹ. 300 trường đại học và cao đẳng Mỹ đóng cửa để phản đối Tổng thống, 90.000 dân Ôxtâyria biểu tình ở Menbon và Xítny lên án Mỹ kéo dài và mở rộng chiến tranh Đông Dương...

Ngày 9-5-1970, nhân kỷ niệm 25 năm chiến thắng phát xít, hàng vạn người thuộc đủ màu da nhất loạt xuống đường hưởng ứng “Cuộc đi bộ vì hòa bình”. Khắp nơi, quần chúng kéo về phía Nam Nhà Trắng họp mít tinh đòi chấm dứt “hành động leo thang điên rồ của Níchxon”, 80 vạn bức thư và điện từ khắp mọi miền gửi về Nhà Trắng và Quốc hội. Ngày 24-5, tờ “Thời báo Niu Yooc” viết: “Nước Mỹ đang lên những cơn đau quặn vì sự dày vò của những vết thương chính trị cơ bản”<sup>1</sup>.

Phong trào lan rộng sang đông đảo binh sĩ và thanh niên Mỹ. Sinh viên đấu tranh chống đăng ký quân dịch, binh sĩ đấu tranh đốt thẻ quân dịch. Tháng 4-1971, theo số liệu

---

<sup>1</sup> Trần Trọng Trung: Phong trào phản chiến của nhân dân Mỹ trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam, *Tạp chí Lịch sử Đảng*, số 11, 2001, tr. 37.



chính thức của Quốc hội Mỹ, có hàng chục vạn thanh niên Mỹ chạy sang các nước Canada, Tây Đức, Thụy Điển... nhằm trốn quân dịch, 13.000 thanh niên Mỹ bị tòa kết án do trốn quân dịch; 93.000 lính Mỹ trẻ đào ngũ bị truy tố...

Phong trào phản chiến của binh sĩ Mỹ cũng diễn ra ngày càng gay gắt. Đó là những người còn đang tham chiến ở Việt Nam hay đã về nước, còn tại ngũ hay đã mãn hạn quân dịch mà báo chí và dư luận gọi họ là những “chiến binh thức tỉnh”. Khi còn ở Việt Nam, qua thực tế chiến trường và tin tức về phong trào phản chiến của người thân ở quê hương, họ dần dần nhận thấy rằng đã bị kích động, bị chính quyền lừa bịp về mục tiêu chiến đấu “nhằm cứu nhân dân Việt Nam khỏi sự xâm lăng của cộng sản”... Họ cũng được nghe những lời tuyên bố của các Thượng nghị sĩ Rôbot Kennơđi, Uyliam Phunborai, biết thái độ chống chiến tranh của Đại tá Đêvit Hauốt và lý do từ chức của Bộ trưởng quốc phòng Mc. Namara... Tất cả những thực tế đó thúc đẩy họ đấu tranh, phản đối mãnh liệt việc tham gia quân đội cho một âm mưu phản động.

Khi Mỹ và chính quyền Sài Gòn tăng cường mở rộng chiến tranh sang Lào và Campuchia, phong trào phản chiến của lính Mỹ quanh vùng Sài Gòn được đánh dấu bằng một bản kiến nghị với chữ ký của hàng chục ngàn binh lính, công khai gửi về Quốc hội Mỹ, đòi định rõ thời hạn về nước. Những cuộc mít tinh phản chiến trên các chiến hạm và các tàu sân bay cũng phát triển mạnh mẽ. Đầu năm 1971, trong quân chủng không quân Mỹ xuất hiện “Hội những người lính không quân chống chiến tranh Việt Nam”.

Nạn đào ngũ trong binh lính Mỹ ngày càng lan rộng tới mức trở thành một bất ngờ lớn đối với Bộ Quốc phòng Mỹ. Họ cho rằng “thà ngồi tù còn hơn là sang tham chiến ở Việt Nam”. “Theo số liệu của Lầu Năm Góc, chỉ trong 10 tháng (từ tháng 7-1970 đến tháng 4-1971), số binh sĩ Mỹ bỏ trốn đã lên tới 68.449 người – tương đương với 4 sư đoàn”<sup>1</sup>.

Phong trào phản chiến ở Mỹ còn thu hút đông đảo những cựu chiến binh đã mãn hạn quân dịch. Họ trở về quê hương không phải với niềm vinh dự và tự hào của người chiến thắng như cha anh họ khi kết thúc cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai năm 1945, mà trong một cuộc chiến tranh bị chính nhân dân Mỹ phản đối, họ tự thấy mình là người có tội.

Trong đợt đấu tranh đầu tháng 4-1971, đợt “Đấu tranh mùa Xuân 1971”, dưới sự lãnh đạo của Hội cựu chiến binh chống chiến tranh Việt Nam và tổ chức Thế hệ trẻ của những cựu chiến binh sống sót ở Việt Nam, hàng vạn cựu chiến binh Mỹ, kể cả thương binh chống nạng, hoặc ngồi trên xe lăn nhân danh oan hồn của hàng chục vạn thanh niên Mỹ, da trắng và da màu đã bị đế quốc Mỹ đẩy sang chết oan uổng ở Đông Dương, xuống đường dẫn đầu các cuộc tuần hành ở nhiều thành phố. Ngày 22-4, từng đoàn, từng đoàn cựu chiến binh khắp nơi đổ về Oasinhton, trụ sở Quốc hội, trên tay cầm đủ các loại huân chương mà họ được tặng thưởng do “thành tích” chiến đấu ở Việt Nam ném xuống thêm nhà Quốc hội và dùng loa giải thích: Phải ném trả lại những người đã tặng chúng tôi những chiếc mề đay này. Nếu không dân chúng cứ xa lánh chúng tôi mãi, khiến mỗi lần nhìn thấy chúng trên ngực, chúng tôi chỉ cảm thấy tủi nhục, đau buồn, hối hận.

---

<sup>1</sup> Trần Trọng Trung: *Phong trào phản chiến của nhân dân Mỹ trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam*, Sđd, tr. 39.

Báo chí Mỹ và phương Tây coi sự kiện quăng trả mìn đay trước sự chứng kiến của hàng vạn quần chúng phản chiến là chuyện lạ chưa từng có trong lịch sử quân đội Mỹ và là một trong những sự kiện nổi bật nhất trong năm 1971.

Hòa chung phong trào của đông đảo cựu chiến binh Mỹ, 27 tổ chức tôn giáo thay mặt cho 86 triệu tín đồ trong cả nước Mỹ đã viết một bản kiến nghị đòi Níchxơn chấm dứt chiến tranh.

Cả nước Mỹ sống trong bầu không khí sôi sục của những cuộc biểu tình chống chiến tranh và những khẩu hiệu đòi hoà bình vang lên khắp nơi: “Phạm tội ác thế là đủ rồi”, “Hòa bình ngay lập tức”, “chấm dứt tội ác diệt chủng ở Đông Dương”...

Là những người có chồng, con, anh em, người thân bị đưa sang Việt Nam để giết người và bị giết, bị thương một cách vô lý, phụ nữ Mỹ không thể làm ngơ trước tình trạng hàng vạn xác chết, hàng chục vạn lính Mỹ bị thương được đưa về nước cũng như danh sách tù binh Mỹ bị giam ở Việt Nam ngày một dài hơn. Lương tâm họ căm phẫn trước những tội ác tàn bạo mà bọn xâm lược Mỹ đang gây ra ở Việt Nam mà chính dư luận Mỹ và thế giới đang lên án, họ nhận thấy rằng ủng hộ cuộc đấu tranh sáng ngời chính nghĩa của nhân dân Việt Nam là một việc làm đúng đắn và cần thiết.

Ngày 30-9-1969, đông đảo phụ nữ Mỹ mặc đồ tang diễu hành qua Nhà Trắng, hát những bài hát chống chiến tranh và hô khẩu hiệu “Tổng thống Níchxơn hãy chấm dứt việc giết người”, “Phải nhớ rằng ông đã hứa chấm dứt chiến tranh”<sup>1</sup>. Tháng 4-1971, một đoàn gồm 34 phụ nữ WSP tự trói mình vào hàng rào một ngôi nhà cạnh Nhà Trắng biểu tình phản đối Níchxơn ngoan cố kéo dài chiến tranh xâm lược Việt Nam, nhiều bà mẹ có con bị chết ở Việt Nam ném trả huy chương đòi chấm dứt chiến tranh ngay.

Khi sáng kiến 7 điểm của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đưa ra, các giới phụ nữ tích cực lên tiếng ủng hộ, họ in toàn văn 7 điểm đó dưới hình thức truyền đơn và đòi chính phủ Mỹ phải đáp ứng. Hội phụ nữ đấu tranh cho hòa bình còn cử nhiều đoàn đại biểu sang Việt Nam và cùng với phụ nữ Việt Nam tổ chức những cuộc gặp gỡ giữa phụ nữ Việt Nam và phụ nữ các nước Ấn Độ, Mỹ, Anh, Canada, Nhật, Úc, Tân Tây Lan... góp phần thúc đẩy phong trào chống chiến tranh xâm lược Việt Nam và Đông Dương ở Mỹ và các nước thuộc phe Mỹ.

Sang năm 1972, mặc dù bị thua trên chiến trường, chính quyền Níchxơn vẫn ngoan cố, không chịu ngừng bắn ở miền Nam, tiếp tục chính sách “bình định”, tăng cường ném bom bắn phá miền Bắc Việt Nam. Nghiêm trọng hơn, chính quyền Níchxơn còn tiến hành những tội ác mới bằng các cuộc ném bom rải thảm vào các vùng đông dân ở Hà Nội, Hải Phòng bất chấp sức ép của dư luận quốc tế khiến nhân dân Mỹ và cả thế giới công phẫn, lên án.

Ở Mỹ, khẩu hiệu “Hãy đem chiến tranh về trong nước” xuất hiện trong các cuộc mít tinh, biểu tình, tuần hành hầu khắp nước Mỹ, với sự tham gia của đông đảo người dân Mỹ, từ chiến sĩ hòa bình đến thanh niên, sinh viên, cựu chiến binh, nhà giáo, nhà doanh nghiệp, các tổ chức công đoàn... Có những người trước đây còn lưỡng lự, nay đều hăng hái tham

---

<sup>1</sup> *Phụ nữ thế giới ủng hộ chúng ta*, Nxb. Phụ nữ, 1977, tr. 192.

gia, khiến cho bộ máy chính quyền và xã hội Mỹ náo loạn. Đúng như báo chí đánh giá: “Đây là một phong trào chống chiến tranh không những chưa từng có ở Mỹ, mà cũng chưa từng có trong lịch sử nhân loại”, “chẳng khác nào như phong trào xưa kia đòi thủ tiêu chế độ nô lệ, lúc chìm lúc nổi, để cuối cùng bùng lên thành một cuộc chiến thật sự diễn ra bên trong nước Mỹ, một cuộc chiến để chấm dứt chiến tranh”<sup>1</sup>.

Tham gia hoạt động chống chiến tranh xâm lược Việt Nam, nhiều phụ nữ Mỹ có những hoạt động tích cực, cất lên những tiếng nói đanh thép lên án chính quyền Mỹ. Bà Pacơ, mẹ một người lính Mỹ chết ở Quảng Trị, nói: “Chúng ta đã đi ngược lại hiến pháp. Tôi không tự hào một chút nào, tôi cay đắng vì cái chết của con tôi”; bà Mailor Stiut đã gửi trả lại cho Níchxon lá cờ Mỹ phủ quan tài người con của bà chết ở Việt Nam kèm theo bức thư: “Tôi không muốn có lá cờ của một nước đã đem hy sinh những thanh niên của mình trong một việc như việc mà họ đang làm”<sup>2</sup>.

Nhiều phụ nữ có tiếng tăm ở Mỹ như: nữ nghệ sĩ da đen nổi tiếng Octa Kít, nữ danh ca Gioan Baê - một nghệ sĩ có tài, là một chiến sĩ tích cực đấu tranh cho hòa bình chống cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Đông Dương, ngôi sao điện ảnh nổi tiếng Mỹ Giên Phônđa, ca sĩ Garon Phêraxi tỏ thái độ phản đối chính quyền Mỹ tham chiến ở Việt Nam ngay trước mặt vợ chồng Tổng thống Giônxon và Níchxon khi họ tới Nhà Trắng dự tiệc. Trong nhiều buổi biểu diễn, họ tổ chức thành những cuộc biểu tình, mít tinh phản đối Mỹ, ủng hộ Việt Nam.

Không chỉ các bà, các chị, mà trẻ em Mỹ cũng tích cực tham gia các hoạt động chống chiến tranh xâm lược Việt Nam. Nhiều em chỉ mới 9, 10 tuổi đã cùng cha mẹ đi phát truyền đơn như con trai bà Grípphít, Stivân, con trai bà giáo sư trường đại học Ôrignon ở Mỹ mới 10 tuổi đã từ chối không chịu cùng cả lớp hát bài ca tụng lính Mũ nồi xanh và bỏ ra ngoài. Khi thầy giáo hỏi tại sao không hát thì em nói “Tôi đứng về phía Cụ Hồ Chí Minh”<sup>3</sup>. Trong một bài thơ đăng trên báo của quân đội, em gái Bắcbara Bắđlơ, 12 tuổi phản đối máy bay Mỹ ném bom Napan đốt các trẻ em Việt Nam đã làm cho Bộ Quốc phòng Mỹ phải lo sợ và cấm không cho lưu hành.

Mặc dù Níchxon tìm mọi cách để dập tắt các phong trào phản chiến của phụ nữ Mỹ và Hội phụ nữ đấu tranh cho hòa bình của Mỹ nhưng họ vẫn dành cho phụ nữ Việt Nam nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung những tình cảm quý báu cùng sự ủng hộ nhiệt tình và mạnh mẽ cho đến thắng lợi cuối cùng.

### **Kết luận**

Phong trào nhân dân Mỹ chống chiến tranh xâm lược Việt Nam phát triển từ thấp đến cao, diễn ra trên quy mô rộng lớn, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú. Đó là biểu hiện của truyền thống yêu tự do của nhân dân Mỹ, đồng thời đó là một đòn hiểm hóc đánh thẳng vào hậu phương, ngay giữa sào huyệt của đế

---

<sup>1</sup> Bộ ngoại giao: *Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Paris về Việt Nam*, Sdd, tr. 338.

<sup>2</sup> *Phụ nữ thế giới ủng hộ chúng ta*, Sdd, tr.196-197.

<sup>3</sup> *Phụ nữ thế giới ủng hộ chúng ta*, Sdd, tr.200.

quốc Mỹ xâm lược, gây cho các chính quyền Mỹ nhiều khó khăn và có tiếng vang lớn trên thế giới. Mỗi cuộc đấu tranh cụ thể của các tầng lớp nhân dân Mỹ, cho dù có ủng hộ Việt Nam chống Mỹ hay không, đều có lợi cho sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam, vì nó làm cho tình hình chính trị nước Mỹ không ổn định, góp phần cô lập cao độ để quốc Mỹ xâm lược ngay tại nước Mỹ.

Phong trào bắt nguồn từ nhận thức của nhân dân Mỹ cho rằng hành động can thiệp, xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ là phi nghĩa. Dư luận Mỹ ngày càng thấy rõ, rằng tiến hành một cuộc chiến tranh dài ngày nhất trong lịch sử nước Mỹ, gây ra nhiều tội ác đối với nhân dân Việt Nam là phi lý và phi pháp, làm cho toàn nhân loại phẫn nộ. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam không chỉ là gánh nặng về kinh tế và tâm lý đối với nhân dân Mỹ, mà còn làm cho lợi ích chiến lược của Mỹ trên thế giới bị tổn hại. Việc đổ nhiều tiền của vào cái vực thẳm không đáy trong chiến tranh ở Việt Nam đã khiến cho nhiều chương trình xã hội bị ngưng động hay giảm bớt, thuế tăng, hàng hóa đắt đỏ, sinh hoạt của người dân Mỹ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Trong báo cáo tại Quốc hội Mỹ ngày 20-1-1964, Tổng thống Giôn-xơn thừa nhận: “Ở Mỹ đã có 35 triệu người, tức 1/5 tổng dân số có mức sống thấp hơn mức sống tối thiểu đã quy định và sống không có ngày mai. Yếu tố này sẽ là yếu tố quan trọng đưa quần chúng lao động Mỹ vào phong trào phản chiến”<sup>1</sup>. Chiến tranh Việt Nam làm cho nội tình nước Mỹ không ổn định. Nước Mỹ không những bị hao tổn về kinh tế, mà còn lâm vào tình hình khủng hoảng về chính trị. Tuần báo Xton, một tờ báo phản động ở Mỹ nhận định: “Tình hình chính trị (của Mỹ) cũng bấp bênh như tình hình quân sự. Chúng ta ở trong tình hình chính trị còn xấu hơn so với Pháp cách đây 10 năm”<sup>2</sup>. Điều đó lý giải vì sao một số người tuy không hiểu cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam nhưng vẫn đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.

Lịch sử nhân loại cho thấy, mỗi cuộc chiến tranh xâm lược tự nó sớm muộn sẽ tạo ra lực lượng chống đối ở chính nước đi gây chiến, và tùy tính chất của cuộc chiến tranh đó mà thái độ và hành động phản chiến ở mức độ nào. Cuộc chiến tranh Việt Nam diễn ra sau Chiến tranh thế giới thứ hai, trong hoàn cảnh nhiều dân tộc trên thế giới đứng trước tình hình phải chọn một trong hai con đường, hoặc là bảo vệ nền độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình, hoặc là cam chịu để các thế lực đế quốc thống trị. Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam là đại diện cho lương tâm thời đại, tiêu biểu cho độc lập và hòa bình, nên các thế lực gây chiến quyết tiêu diệt cho bằng được. Mỹ xâm lược Việt Nam nằm trong chiến lược toàn cầu của Mỹ nhằm kiểm soát nhiều vùng đất đai giàu tài nguyên và nhân lực, nên đã đụng chạm đến lợi ích quốc gia nhiều dân tộc, trong đó có lợi ích và danh dự của chính nhân dân Mỹ. Đó là một trong những yếu tố quan trọng đưa quần chúng Mỹ vào phong trào phản chiến.

Phong trào nhân dân Mỹ phản đối chiến tranh Việt Nam là một phong trào lớn chưa từng có trong lịch sử nước Mỹ. Chưa khi nào chính quyền Mỹ bị nhân dân phản đối mạnh

---

<sup>1</sup> Quỳnh Cư: *Phong trào nhân dân Mỹ phản đối cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam*, Sdd, tr. 12.

<sup>2</sup> Quỳnh Cư: *Phong trào nhân dân Mỹ phản đối cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam*, Sdd, tr. 12.

mẽ, bền bỉ như trong cuộc chiến tranh này. Về mặt khách quan, phong trào đó hoàn toàn có lợi cho cuộc chiến đấu vì độc lập tự do của dân tộc Việt Nam.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Alan Brinkley: *American History A survey*, Boston, McGraw- Hill, 1995.
2. Bộ ngoại giao: *Ngoại giao Việt Nam với cuộc đàm phán Paris về Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
3. Quỳnh Cư: *Phong trào nhân dân Mỹ phản đối cuộc chiến tranh xâm lược ở miền Nam Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 91, 1966.
4. Trần Văn Giàu: *Miền Nam giữ vững thành đồng*, tập 4, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1970.
5. Trần Văn Giàu: *Miền Nam giữ vững thành đồng*, tập 5, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978.
6. Học viện Quan hệ Quốc tế: *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp giành độc lập, tự do (1945 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
7. Joe Allen (Đào Tuấn dịch): *Việt Nam cuộc chiến thất bại của Mỹ*, (Vietnam the (last) war the U.S. lost), Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2009.
8. *Nhân dân* (báo), ngày 26-3-1965, tr. 1.
9. *Nhân dân* (báo), ngày 21-6-1964, tr. 4.
10. Philip B. Davitson, Nguyễn Ngọc Bình, Hoàng Bình dịch, *Những bí mật của cuộc chiến tranh Việt Nam*, Sách tham khảo, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
11. *Phụ nữ thế giới ủng hộ chúng ta*, Nxb. Phụ nữ, 1977.
12. Ngô Văn Quỹ: *Cuộc chiến trong lòng nước Mỹ*, Nxb. Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2005.
13. *Sức mạnh Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1976.
14. Trần Trọng Trung: *Phong trào phản chiến của nhân dân Mỹ trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam*, Tạp chí Lịch sử Đảng, Số 11, 2001, tr. 36-39.
15. Viện Sử học: *Sức mạnh chiến thắng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1985.